UỶ BAN NHÂN DÂN **THỊ TRẤN NHÃ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 126/QĐ-UBND	*Thị trấn Nhã Nam, ngày 07 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN NHÃ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 05/7/2023 của HĐND V/v phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2022;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu công khai quyết toán ngân sách thị trấn năm 2022, cụ thể:

- Về thu ngân sách: 63.940.790.838 đồng.
- Về chi ngân sách: 63.940.790.838 đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; VPUBND có trách nhiệm gửi Quyết định này trên lên cổng thông tin điện tử của thị trấn theo quy định.

Điều 3. Văn phòng HĐND&UBND, Thủ trưởng các đơn vị hành chính thuộc UBND thị trấn; và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lưu VT, TCKH.
- Đài truyền thanh thị trấn;

Bản điện tử:
- Phòng Tài chính-KH (b/c);
- TT Xã Ủy, TT HĐND Xã(b/c);
- Chủ tịch,PCT UBND Xã(b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Bích

UỶ BAN NHÂN DÂN **THỊ TRẤN NHÃ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Thị trấn Nhã Nam, ngày 22 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN
Kết thúc niêm yết khai quyết toán ngân sách xã năm 2022

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công Ngân sách đối với các cấp ngân sách Nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Hôm nay, hồi 08 giờ 30 phút, ngày 22/7/2023;

Tại trụ sở UBND thị trấn Nhã Nam;

I. THÀNH PHẦN LẬP BIÊN BẢN

1.Ông: Nguyễn Văn Bích - Chức vụ: Chủ tịch UBND.
2. Ông: Nguyễn Văn Thành - Chức vụ: Phó chủ tịch HĐND.
3. Bà: Lương Huyền Trang - Chức vụ: CC Tài chính - Kế toán.
4. Ông: Đỗ Hồng Sáng - Chức vụ: CC Văn phòng - Thống kê.

UBND thị trấn Nhã Nam, tiến hành kết thúc niêm yết công khai quyết toán thu – chi ngân sách năm 2022.

Địa điểm niêm yết: Bảng tin UBND thị trấn Nhã Nam

- Thời gian niêm yết từ ngày 07/7/2023 đến hết ngày 21/7/2023.

Trong thời gian niêm yết công khai: Toàn thể Cán bộ, Công chức và nhân dân không có ý kiến phản hồi.

Biên bản lập xong lúc 09 giờ 00 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN	**CHỦ TỊCH**
Đỗ Hồng Sáng	**Nguyễn Văn Bích**

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
KẾT THÚC NIÊM YẾT

ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ TRẤN NHÃ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN
Thực hiện niêm yết công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022

I. Thời gian - địa điểm:

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 15 ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở UBND thị trấn đã tiến thực hiện niêm yết công khai quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2022.

II. Thành phần tham gia thực hiện niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm2022:

1.Ông: Nguyễn Văn Bích - Chức vụ: Chủ tịch UBND.
2. Ông: Nguyễn Văn Thành - Chức vụ: Phó chủ tịch HĐND.
3.Bà: Lương Huyền Trang - Chức vụ: CC Tài chính - Kế toán.
4. Ông: Đỗ Hồng Sáng - Chức vụ: CC Văn phòng - Thống kê.

III. Nội dung: Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022:

Về hình thức và thời điểm công khai niêm yết:

- Công khai việc niêm yết trong các cuộc họp tháng 7/2023 của Cán bộ, Công chức UBND thị trấn .

- Niêm yết công khai tại bảng tin UBND đảm bảo thuận tiện cho Cán bộ, Công chức và nhân dân xem xét.

Thời gian: Niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2022 trong thời gian 15 ngày làm việc từ ngày 07/7/2023 đến ngày 21/7/2023.

Biên bản niêm yết được thông qua với 100% ý kiến tán thành.

THƯ KÝ	**CHỦ TỊCH**
Đỗ Hồng Sáng	**Nguyễn Văn Bích**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NHÃ NAM

Biểu số 116/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

NỘI DUNG THU	Quyết toán	NỘI DUNG CHI	Quyết toán
A	1	B	2
TỔNG SỐ THU	**63.940.790,838**	**TỔNG SỐ CHI**	**63.940.790,838**
I- Các khoản thu xã hưởng 100%	**228.581,666**	**I- Chi đầu tư phát triển**	**38.933.839,000**
II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	**42.929.766,786**	**II- Các khoản chi thường xuyên**	**8.155.890,459**
III- Thu bổ sung	**10.240.114,400**	**III- Chi chuyển nguồn sang năm sau**	**16.851.061,379**
Bổ sung cân đối	5.451.000,000		-
Bổ sung có mục tiêu	4.789.114,400		
IV- Thu kết dư ngân sách năm trước	0,000	**IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên**	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	**10.542.327,986**		
Kết dư ngân sách			

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NHÁ NAM

Biểu số 117/CKTC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU SX	THU NSNN	THU SX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**361.620.439**	**56.495.067**	**413.639.620,563**	**63.940.790,838**	**114,4**	**113,2**
I	**Các khoản thu 100%**	**288.000**	**288.000**	**228.581,67**	**228.581,67**	**79,4**	**79,4**
1	Phí, lệ phí	174.000	174.000	125.036,5	125.036,5	71,9	71,9
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	34.000	34.000	51.795,2	51.795,2	152,3	152,3
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu tài sản quyền sở hữu của Nhà nước						
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức cá nhân						
7	Thu khác	80.000	80.000	51.750,0	51.750,0	64,7	64,7
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**340.549.997**	**35.424.625**	**392.628.596,511**	**42.929.766,786**	**115,3**	**121,2**
1	Thuế thu nhập CNBĐS	920.000	460.000	4.891.935,378	2.445.967,689	531,7	531,7
2	Thuế phi nông nghiệp	132.000	132.000	261.964,989	261.964,989	198,5	198,5
3	Phí BVMT+Cấp quyền khai thác khoáng sản						
4	Thuế tài nguyên						
5	Tiền chậm nộp thuế						
6	Thuế môn bài thu từ các nhân, hộ kinh doanh						
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệpthu từ hộ gia đình						
8	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.575.062	787.531	3.112.319,296	1.556.159,648	197,6	197,6
9	Thu tiền sử dụng đất	337.290.935	33.729.094	############	38.378.878,491	113,8	113,8
10	Thuế gia trị gia tăng	632.000	316.000	573.591,938	286.795,969	90,8	90,8
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**	**10.542.328**	**10.542.328**	**10.542.327,986**	**10.542.327,986**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU SX	THU NSNN	THU SX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
VI	**Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên**	**10.240.114**	**10.240.114**	**10.240.114,4**	**10.240.114,4**	**100,0**	**100,0**
1	Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	5.451.000	5.451.000	5.451.000,0	5.451.000,0	100,0	100,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	4.789.114	4.789.114	4.789.114,4	4.789.114,4	100,0	100,0

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NHÀ NAM

Biểu số 118/CKTC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**56.495.067**	**43.077.253**	**13.417.814**	**63.940.790,838**	**38.933.839**	**25.006.951,838**	**113,2**	**90,4**	**186,4**
	Trong đó									
1	An ninh địa phương	332.000		332.000	331.611		331.611			
2	Quốc phòng địa phương	85.000		85.000	84.530		84.530			
3	Chi giáo dục	-								
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-								
5	Chi y tế	-								
6	Chi văn hóa, thông tin	200.000		200.000	199.987		199.987	100,0		100,0
7	Chi phát thanh, truyền thanh	74.000		74.000	51.258		51.258	69,3		69,3
8	Chi thể dục thể thao	20.000		20.000	17.820		17.820	89,1		89,1
9	Chi bảo vệ môi trường	270.000		270.000	270.000		270.000			
10	Chi các hoạt động kinh tế	518.100		518.100	517.183,059		517.183	99,8		99,8
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.202.024		6.202.024	6.126.718,400		6.126.718,400	98,8		98,8
12	Chi cho công tác xã hội	529.000		529.000	528.783		528.783	100,0		100,0
13	Chi khác	28.000		28.000	28.000		28.000			100,0
14	Dự phòng	60.000		60.000						
15	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	5.099.690		5.099.690	16.851.061,4		16.851.061,379			